

## DỰ THẢO

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT  
Luật Doanh nghiệp (sửa đổi)**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; căn cứ kết quả rà soát pháp luật, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội, tổng kết thi hành Luật Doanh nghiệp năm 2020 và kiến nghị của các cơ quan, tổ chức có liên quan, Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự thảo Đề cương chi tiết của Luật Doanh nghiệp (sửa đổi) theo 05 nhóm các nhóm nội dung chính sách chủ yếu của đề nghị xây dựng luật

Chính sách 1: Đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ của pháp luật.

Chính sách 2: Hoàn thiện khung khổ thể chế gia nhập thị trường và rút khỏi kinh doanh của doanh nghiệp thuận lợi, an toàn, minh bạch.

Chính sách 3: Hoàn thiện quy định pháp luật về quản trị doanh nghiệp.

Chính sách 4: Thực hiện cam kết quốc tế về phòng, chống rửa tiền.

Chính sách 5: Hình thành cơ sở pháp lý cho hoạt động của cá nhân kinh doanh (thương nhân thể nhân).

Cụ thể như sau:

**I. ĐẢM BẢO SỰ THỐNG NHẤT, ĐỒNG BỘ GIỮA LUẬT DOANH NGHIỆP VÀ LUẬT KHÁC****1. Về áp dụng Luật Doanh nghiệp và Luật khác**

Sửa đổi Điều 3 Luật Doanh nghiệp hiện hành theo 02 phương án:

(i) Chỉ quy định nguyên tắc chung: Việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động của doanh nghiệp áp dụng theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp đặc thù liên quan đến việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động của doanh nghiệp được quy định tại Luật khác thì áp dụng theo quy định của Luật đó.

(ii) Quy định cụ thể các trường hợp đặc thù của Luật khác: Dẫn chiếu các quy định cụ thể của Luật khác về các trường hợp đặc thù liên quan đến thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động của doanh nghiệp.

**2. Sửa đổi các quy định của Luật Doanh nghiệp chưa thống nhất, mâu thuẫn với Luật khác**

a) Sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp nhằm đảm bảo thống nhất với Bộ luật Dân sự, trong đó:

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 12 quy định về chức năng, nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật trên cơ sở quy định có liên quan của Bộ luật Dân sự về người đại diện theo pháp luật của pháp nhân như sau: Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp xác lập và thực hiện giao dịch dân sự vì lợi ích của doanh nghiệp, thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 44 quy định về chi nhánh doanh nghiệp căn cứ quy định của Bộ luật Dân sự sau đây: Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, không phải là pháp nhân. Chi nhánh có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của doanh nghiệp. Người đứng đầu chi nhánh thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của doanh nghiệp trong phạm vi và thời hạn được ủy quyền. Doanh nghiệp có quyền, nghĩa vụ dân sự phát sinh từ giao dịch dân sự do chi nhánh xác lập, thực hiện.

b) Sửa đổi, bổ sung Luật Doanh nghiệp về cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu theo hướng thống nhất với quy định của Luật Chứng khoán, trong đó, sửa đổi, bổ sung Điều 128 và Điều 129 về điều kiện phát hành trái phiếu riêng lẻ của công ty không phải công ty đại chúng (điều kiện về đối tượng mua trái phiếu).

c) Sửa đổi, bổ sung Chương IV Luật Doanh nghiệp về DNNN trên cơ sở rà soát Luật thay thế Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp (sẽ thông qua tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội XV).

### **3. Bổ sung giải thích một số vấn đề chưa có cách hiểu thống nhất**

Bổ sung tại Điều 4 quy định giải thích một số thuật ngữ, khái niệm chưa được quy định rõ tại Luật Doanh nghiệp hiện hành, cụ thể:

(1) Bổ sung quy định giải thích từ ngữ “*Người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp*” tương tự khái niệm người có liên quan của người nội bộ của Luật Chứng khoán, bao gồm: Người có quan hệ gia đình với người quản lý; tổ chức, cá nhân mà người quản lý là đại diện cho tổ chức, cá nhân đó; doanh nghiệp mà người quản lý sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó....

(2) Sửa đổi, bổ sung quy định giải thích từ ngữ “*quyền chi phối*” là quyền định đoạt đối với điều lệ hoạt động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý chủ chốt, việc tổ chức quản lý và các quyết định quản lý quan trọng khác của doanh nghiệp.

(3) Bổ sung quy định giải thích khái niệm “*sở hữu gián tiếp*” hoặc “*gián tiếp sở hữu*” theo hướng kế thừa và áp dụng quy định tương tự của Luật Các tổ chức tín dụng, theo đó: Sở hữu gián tiếp là việc tổ chức, cá nhân sở hữu vốn điều lệ của doanh nghiệp thông qua các tổ chức, doanh nghiệp mà tổ chức, cá nhân đó sở hữu trên 50% vốn điều lệ.

(4) Bổ sung quy định giải thích từ ngữ về “*hồ sơ giả mạo*”, “*hồ sơ không trung thực, không chính xác*”, “*kê khai không vốn điều lệ*”. Bổ sung quy định hành vi bị nghiêm cấm “*kê khai giả mạo*” tại Điều 16.

(5) Bổ sung giải thích từ ngữ “*tình trạng pháp lý của doanh nghiệp*”, bao gồm 07 tình trạng: (i) Tạm ngừng kinh doanh; (ii) Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; (iii) Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế; (iv) Đang làm thủ tục giải thể, đã bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập; (v) Đang làm thủ tục phá sản; (vi) Đã giải thể, phá sản, chấm dứt tồn tại; (vii) Đang hoạt động.

## II. GIA NHẬP THỊ TRƯỜNG, RÚT KHỎI KINH DOANH VÀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

### 1. Đăng ký doanh nghiệp qua số định danh cá nhân, tài khoản định danh điện tử; kết nối, chia sẻ dữ liệu đăng ký doanh nghiệp và công tác quản lý nhà nước

- Sửa đổi Điều 26 theo hướng *hợp nhất tài khoản định danh của cá nhân (Vneid) với tài khoản đăng ký kinh doanh* để đảm bảo việc người dân có thể sử dụng tài khoản định danh cá nhân để ký số và nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh.

- Bổ sung quy định về việc người ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp có nghĩa vụ thực hiện *xác thực điện tử* với Cơ quan đăng ký kinh doanh để xác nhận việc ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp.

- Bổ sung quy định việc công khai thông tin về hoạt động của doanh nghiệp tại Điều 32 Luật Doanh nghiệp: “*Doanh nghiệp phải công khai trực tuyến thông tin tình trạng hoạt động trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp định kỳ vào ngày cuối cùng quý II, quý IV hàng năm*”.

- Sửa tên “*Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp*” thành “*Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh*”, đồng thời sửa đổi các quy định liên quan đến mối liên hệ giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 215 để quy định rõ hơn việc kết nối, chia sẻ thông tin của cơ quan chủ quản Cơ sở dữ liệu quốc gia và Cơ sở dữ liệu chuyên ngành với Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, trong đó có thông tin về giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận hoặc văn bản chấp thuận về điều kiện kinh doanh, thông tin về thuế, hóa đơn, báo cáo tài chính của doanh nghiệp, hải quan...

- Bổ sung quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Điều 215: “*Tổ chức đăng ký kinh doanh; thanh tra, kiểm tra, giám sát doanh nghiệp trong phạm vi địa phương. Ban hành quy trình kiểm tra, giám sát đăng ký kinh doanh; quy chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương trong thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập*”.

- Bổ sung quy định trách nhiệm của cơ quan cấp đăng ký doanh nghiệp trong những ngành, lĩnh vực đặc thù trong việc gửi văn bản, thông tin đăng ký

kinh doanh cho cơ quan đăng ký kinh doanh để cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký kinh doanh (Điều 3).

## **2. Quyền thành lập doanh nghiệp**

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 17 theo hướng cho phép mở rộng đối tượng viên chức là các nhà khoa học được tham gia thành lập, quản lý doanh nghiệp kinh doanh các sản phẩm khoa học được nghiên cứu nhằm tăng khả năng thúc đẩy hoạt động thương mại hóa các sản phẩm khoa học, trí tuệ và chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ.

- Bổ sung tại Điều 17 để quy định về việc cấm thành lập doanh nghiệp có thời hạn với một số đối tượng vi phạm pháp luật về thuế theo hướng: Người thành lập hoặc người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp bị cơ quan thuế thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký thì phải hoàn thành nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp bị cơ quan thuế thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký trước khi tham gia thành lập hoặc làm người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp mới.

## **3. Tình trạng pháp lý của doanh nghiệp**

- Bổ sung quy định về “*tình trạng pháp lý của doanh nghiệp*” trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (đăng ký kinh doanh), bao gồm: (i) Tam ngừng kinh doanh; (ii) Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; (iii) Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế; (iv) Đang làm thủ tục giải thể, đã bị chia, bị hợp nhất, bị sáp nhập; (v) Đang làm thủ tục phá sản; (vi) Đã giải thể, phá sản, chấm dứt tồn tại; (vii) Đang hoạt động.

- Tương tự, bổ sung quy định tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, đồng thời quy định các trường hợp cập nhật tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khi doanh nghiệp cập nhật tình trạng pháp lý.

## **4. Góp vốn, tăng, giảm vốn của doanh nghiệp**

- Sửa đổi, bổ sung Điều 34, 35, 36 để quy định rõ hơn về tài sản góp vốn theo hướng quy định rõ tài sản góp vốn là Đồng Việt Nam và tài sản khác quy định tại (Điều 105) Bộ luật Dân sự phải định giá được bằng Đồng Việt Nam.

- Bổ sung quy định “*Việc đăng ký thay đổi vốn điều lệ phải kèm theo bản sao giấy tờ chứng minh hoàn tất việc thay đổi vốn điều lệ*” tại khoản 2 Điều 30 hoặc quy định cụ thể việc tăng vốn đối với từng loại hình doanh nghiệp như sau: “*Việc đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong các trường hợp góp vốn thành lập, tăng, giảm vốn điều lệ quy định tại khoản 4 Điều 47, khoản 4 Điều 68, khoản 3 Điều 75, khoản 4 Điều 87, khoản 3 Điều 113, khoản 4 Điều 123, khoản 2 Điều 130, Điều 178, Điều 189 Luật này phải kèm theo bản sao giấy tờ chứng minh hoàn tất việc góp vốn, tăng, giảm vốn điều lệ*”.

- Bổ sung quy định giao văn bản hướng dẫn Luật quy định chi tiết về các trường hợp mà thành phần hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (Điều 19 đến Điều 22) phải bổ sung giấy tờ chứng minh năng lực góp vốn.

- Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 216 theo hướng cơ quan đăng ký kinh doanh có quyền “*Trực tiếp hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, giám sát doanh nghiệp theo nội dung trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp; yêu cầu báo cáo, kiểm tra các trường hợp có dấu hiệu bất thường về đăng ký vốn điều lệ, thay đổi vốn điều lệ*”.

### **5. Thu hồi chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**

- Bổ sung tại điểm c khoản 1 Điều 212 về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp doanh nghiệp ngừng hoạt động kinh doanh 01 năm mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế; trường hợp doanh nghiệp đã bị cơ quan thuế thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo quy định của pháp luật quản lý thuế thì trong thời gian 06 tháng kể từ ngày cơ quan thuế thông báo mà doanh nghiệp không báo cáo giải trình với cơ quan đăng ký kinh doanh.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 212 theo hướng: Quy định rõ hơn đối với trường hợp thu hồi đối với doanh nghiệp doanh nghiệp nước ngoài được thành lập để thực hiện dự án; bổ sung quy định về việc thu hồi lần thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Tòa án; quy định rõ hơn về trường hợp “doanh nghiệp ngừng hoạt động kinh doanh”; quy định rõ hơn về quy trình, thủ tục thực hiện thu hồi GCN ĐKDN đối với doanh nghiệp ngừng hoạt động kinh doanh 01 năm trên Hệ thống quản lý doanh nghiệp sau đăng ký; bổ sung trường hợp sau thời hạn cam kết góp vốn mà chủ sở hữu/ các thành viên/ các cổ đông công ty không thực hiện cam kết góp vốn theo như cam kết (doanh nghiệp 0 đồng)...

- Sửa đổi, bổ sung Điều 213 về chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo hướng: Quy định rõ cơ quan có thẩm quyền trong các trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bổ sung quy định đối các đơn vị trực thuộc chấm dứt hoạt động trong trường hợp doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bổ sung quy định về việc thu hồi Giấy chứng nhận địa điểm kinh doanh.

### **6. Quản lý nhà nước đối với tổ chức lại doanh nghiệp**

- Sửa đổi, bổ sung Điều 195, 196 về mô hình công ty mẹ-công ty con theo hướng: Quy định rõ hơn khái niệm “có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định” và tiêu chí xác định công ty mẹ, công ty con; có quy định đặc thù về quan hệ giao dịch giữa các doanh nghiệp thành viên tập đoàn kinh tế nhà nước; quy định rõ khái niệm “can thiệp ngoài thẩm quyền”...

- Sửa đổi, bổ sung Điều 199 về tách công ty theo hướng: Quy định rõ việc chuyển vốn điều lệ từ công ty bị tách sang công ty được tách.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 201 về sáp nhập theo hướng: Quy định rõ sáp nhập dẫn tới thay đổi vốn điều lệ; quy định rõ hơn trình tự, thủ tục sáp nhập công ty TNHH một thành viên vào một công ty TNHH một thành viên và chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty TNHH hai thành viên trở lên;

quy định rõ về thời điểm hoàn thành việc sáp nhập công ty và thời điểm công ty nhận sáp nhập được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp và chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ, các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ tài sản khác của công ty bị sáp nhập.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 202 về chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần theo hướng xác định rõ việc chuyển đổi không làm thay đổi pháp nhân, doanh nghiệp vẫn tiếp tục hưởng các quyền và thực hiện các nghĩa vụ của doanh nghiệp, để tránh việc diễn giải sai trong thực tế.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 206 về tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh theo hướng: Bổ sung quy định đối với trường hợp tạm ngừng kinh doanh của doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư khi tạm ngừng dự án đầu tư phù hợp với pháp luật đầu tư.

- Bổ sung tại Điều 207 về giải thể công ty cổ phần khi không đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 208 về trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp theo hướng: Quy định rõ hơn về hồ sơ giải thể doanh nghiệp tư nhân; quy định về việc nghị quyết, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam, người lao động trong doanh nghiệp.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 209 về giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án theo hướng: Quy định thống nhất về việc tổ chức họp để giải thể doanh nghiệp sau khi bị thu hồi GCNĐKKD; quy định rõ trường hợp giải thể doanh nghiệp trong trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở hồ sơ giả mạo; quy định về trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quyết định cưỡng chế của cơ quan thuế; bổ sung chế tài đối với hành vi cố tình không thực hiện thủ tục giải thể khi đủ cơ sở, điều kiện giải thể; quy định về trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ thuế khi giải thể doanh nghiệp...

### **III. TỔ CHỨC QUẢN LÝ, QUẢN TRỊ CÔNG TY**

#### **1. Điều lệ công ty**

Bổ sung quy định những nội dung mà Điều lệ công ty phải cụ thể hóa những nguyên tắc hoặc khung giới hạn tối đa/tối thiểu được quy định tại các điều khoản sau đây của Luật Doanh nghiệp: Điều 49 về quyền của thành viên công ty, Điều 51 về mua lại phần vốn góp, Điều 56 về Chủ tịch Hội đồng thành viên, các Điều 57, 58, 59, 61, 62 về Hội đồng thành viên, Điều 67 về họp đồng, giao dịch phải được Hội đồng thành viên chấp thuận. Điều 76 về chủ sở hữu công ty, Điều 80 về hội đồng thành viên, Điều 81 về chủ tịch công ty, Điều 86 về họp đồng, giao dịch của công ty với những người có liên quan. Điều 114 về các loại cổ phần, Điều 115 về quyền của cổ đông phổ thông, Điều 116 về cổ phần ưu đãi biểu quyết, Điều 126 về bán cổ phần, Điều 132 về mua lại cổ phần

theo yêu cầu của cổ đông, Điều 133 về mua lại cổ phần theo quyết định của công ty, Điều 135 về trả cổ tức, các Điều 138, 141, 142, 145, 146, 147, 148, 149 về Đại hội đồng cổ đông, các Điều 153, 154, 157, 160 về hội đồng quản trị công ty cổ phần.

## **2. Chức danh người đại diện theo pháp luật**

- Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 12 để quy định rõ về người đại diện theo pháp luật của công ty TNHH chỉ có 2 thành viên theo hướng:

+ Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên là cá nhân, nếu có thành viên là cá nhân làm người đại diện theo pháp luật duy nhất của công ty chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì thành viên còn lại đương nhiên làm người đại diện theo pháp luật của công ty cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng thành viên về người đại diện theo pháp luật của công ty.

+ Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên là tổ chức thì việc xác định người đại diện theo pháp luật của công ty áp dụng quy định quy định tại khoản 3 Điều 54: “Công ty phải có ít nhất một người đại diện theo pháp luật là người giữ một trong các chức danh là Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định thì Chủ tịch Hội đồng thành viên là người đại diện theo pháp luật của công ty”.

- Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 79 về người đại diện theo pháp luật của công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo hướng: Công ty phải có ít nhất một người đại diện theo pháp luật là người giữ một trong các chức danh là Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc người được bổ nhiệm giữ chức danh quyền hoặc phụ trách đối với các chức danh này.

## **3. Tổ chức quản lý, quản trị công ty TNHH hai thành viên trở lên**

- Sửa đổi, bổ sung Điều 47 về góp vốn thành lập công ty và cấp giấy chứng nhận phần vốn góp theo hướng: Bổ sung quy định bắt buộc về trình tự, thủ tục cấp lại giấy chứng nhận phần vốn góp trong Điều lệ; quy định rõ hơn việc cấp giấy chứng nhận phần vốn góp bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; quy định rõ về việc chuyển nhượng phần vốn trong trường hợp công ty chỉ có 02 thành viên.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 48 theo hướng cụ thể hóa trình tự, thủ tục, thời hạn thực hiện việc cập nhật sự thay đổi thành viên trong sổ đăng ký thành viên.

- Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 49 Luật Doanh nghiệp 2020 theo hướng phân quyền tự chủ cho Điều lệ công ty quy định về tiêu chí phân phối lợi

nhuận sau thuế thay vì chỉ sử dụng tiêu chí theo tỷ vốn góp như quy định hiện hành.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 54 về cơ cấu tổ chức quản lý công ty theo hướng: Công ty phải có ít nhất một người đại diện theo pháp luật là người giữ một trong các chức danh là Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định thì Chủ tịch Hội đồng thành viên là người đại diện theo pháp luật của công ty. Trường hợp công ty có hơn một người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch Hội đồng thành viên và Giám đốc/ Tổng giám đốc đương nhiên là người đại diện theo pháp luật của công ty.

- Bổ sung tại Điều 56 quy định về Chủ tịch Hội đồng thành viên trong trường hợp công ty chỉ có 02 thành viên.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 60 về biên bản họp Hội đồng thành viên theo hướng quy định rõ về tổng số vốn góp biểu quyết.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 68 về tăng, giảm vốn điều lệ theo hướng bổ sung tài liệu chứng thực hoàn thành việc tăng, giảm vốn nhằm tránh việc “tăng vốn ảo”.

#### **4. Tổ chức quản lý, quản trị công ty TNHH một thành viên**

- Bỏ quy định tại khoản 4 Điều 79:

Khoản 4 Điều 79 quy định “*Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác* thì cơ cấu tổ chức, hoạt động, chức năng, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc thực hiện theo quy định của Luật này”.

Quy định này gây nhầm lẫn rằng công ty TNHH một thành viên có thể lựa chọn một hình tổ chức quản lý khác với Luật Doanh nghiệp. Vì vậy, đề xuất bỏ khoản 4 Điều 79 vì những lý do sau đây: Một là, khoản 1 Điều 79 đã quy định rõ chỉ có 02 mô hình tổ chức quản lý công ty TNHH một thành viên, bao gồm: (i) Chủ tịch công ty, Giám đốc; hoặc (ii) Tổng giám đốc; hoặc Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Hai là, chức năng, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc đã được quy định từ Điều 80 đến Điều 84, trong đó đã quy định về những chức năng, quyền và nghĩa vụ khác theo Điều lệ công ty.

- Sửa đổi khoản 4 Điều 75 theo hướng chủ sở hữu công ty chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi vốn góp đã cam kết đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty, thiệt hại xảy ra do không góp, không góp đủ, không góp đúng hạn vốn điều lệ.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 76 về quyền của chủ sở hữu công ty theo hướng phân cấp quyết định những vấn đề thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh cho bộ máy quản lý điều hành công ty, trước hết là thẩm quyền đối với “các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ”.



- Sửa đổi, bổ sung Điều 79 về cơ cấu tổ chức quản lý theo hướng quy định rõ hơn một số chức danh đặc thù DNNN như: Quyền Chủ tịch HĐQT, Quyền Chủ tịch công ty, Quyền Tổng giám đốc, Quyền Giám đốc...

- Sửa đổi, bổ sung Điều 80 về việc thông qua nghị quyết Hội đồng thành viên theo các trường hợp tính theo số lượng thành viên và theo tỷ lệ phần vốn góp được ủy quyền của các thành viên của những người đại diện theo ủy quyền, đồng thời có tính tới thực tế DNNN là chủ sở hữu nhà nước chưa bổ nhiệm đủ số lượng thành viên Hội đồng thành viên tối thiểu, hoặc thành viên HĐQT nghỉ hưu theo chế độ hoặc chuyển công tác nhưng chưa kịp bổ nhiệm thay thế.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 81 về chủ tịch công ty theo hướng phân định rõ quyền, nghĩa vụ và phương thức thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ tịch công ty với chủ sở hữu công ty.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 82 về Giám đốc (Tổng giám đốc) công ty TNHH một thành viên theo hướng quy định thống nhất về nhiệm kỳ Giám đốc; trường hợp nhiệm kỳ của Giám đốc kết thúc thì người đó tiếp tục giữ chức vụ Giám đốc cho đến khi có nghị quyết, quyết định bổ nhiệm Giám đốc.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 84 về tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của người quản lý và kiểm soát viên công ty TNHH một thành viên là Nhà nước theo hướng thống nhất với Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư và sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 86 về hợp đồng, giao dịch của công ty với người có liên quan theo hướng xét tới đặc thù khu vực DNNN với trường hợp công ty mẹ có các giao dịch, hợp đồng với các công ty con.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 87 về tăng, giảm vốn điều lệ theo hướng làm rõ hơn đặc thù của DNNN đối với việc hoàn trả một phần và rút vốn góp cho chủ sở hữu nhà nước do Luật và các văn bản hướng dẫn chưa có các quy định cụ thể về cách thức, quy trình để doanh nghiệp hoàn trả, rút vốn góp cho chủ sở hữu công ty.

- Bổ sung vào khoản 1 Điều 87 quy định: "Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tăng vốn điều lệ thông qua việc chủ sở hữu công ty góp thêm vốn hoặc huy động thêm vốn góp của người khác. Chủ sở hữu công ty quyết định hình thức tăng và mức tăng vốn điều lệ. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ đã được thanh toán xong, công ty phải thông báo bằng văn bản về tăng, giảm vốn điều lệ đến Cơ quan đăng ký kinh doanh"

- Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 87 hướng dẫn quy trình, cách thức để doanh nghiệp hoàn trả, rút vốn góp cho chủ sở hữu công ty.

### **5. Tổ chức quản lý, quản trị công ty cổ phần**

- Sửa đổi, bổ sung Điều 112 theo hướng quy định rõ hơn về hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông và việc giảm vốn điều lệ sau khi hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 113 về thời gian góp vốn nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp có thời gian chuẩn bị tài sản góp vốn, đồng thời cần quy định cụ thể thời hạn bắt đầu được tính từ thời gian vận chuyển, nhập khẩu tài sản góp vốn.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 114 quy định rõ hơn về loại “cổ phần ưu đãi khác”.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 115 quy định rõ hơn về quyền của cổ đông phổ thông với “bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty”.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 120 quy định về cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần chuyển đổi từ DNNN.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 121 quy định rõ hơn về người ký tên trên cổ phiếu theo hướng thống nhất với pháp luật về chứng khoán.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 124 về chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo hướng: Xác định rõ thời điểm được công nhận tư cách cổ đông; thời hạn phải thông báo bằng văn bản đến cổ đông.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 127 về chuyển nhượng cổ phần theo hướng quy định rõ hơn đối với trường hợp công ty cổ phần là doanh nghiệp dự án.

- Sửa đổi bổ sung Điều 128, 129 về điều kiện chào bán trái phiếu riêng lẻ theo hướng thống nhất với pháp luật về chứng khoán.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 136 về thu hồi tiền thanh toán cổ phần được mua lại hoặc cổ tức theo hướng thống nhất với quy định về trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong trường hợp ban hành nghị quyết, quyết định trái với nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (làm rõ trách nhiệm của cá nhân thành viên và trách nhiệm tập thể của HĐQT).

- Sửa đổi, bổ sung Điều 137 về cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần theo hướng: Quy định rõ công ty đại chúng và công ty không phải công ty đại chúng; đa dạng mô hình cơ cấu tổ chức quản lý để các doanh nghiệp lựa chọn phù hợp với đặc thù của từng công ty.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 138 về quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông theo hướng: Xử lý mâu thuẫn pháp luật về phân định quyền của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đối với chiến lược, kế hoạch, quyết định dự án đầu tư của công ty...

- Sửa đổi, bổ sung Điều 139 về cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hướng quy định rõ hơn khung thời hạn phải tiến hành họp ĐHĐCĐ thường niên và trao quyền quyết định cụ thể cho công ty cổ phần không phải công ty đại chúng.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 140 về triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo hướng quy định rõ hơn về Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 141 về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông theo hướng: Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 143 về mời họp Đại hội đồng cổ đông theo hướng quy định rõ hơn về việc “gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông”.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 146 về thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hướng: Bổ sung quy định về việc ủy quyền của Chủ tịch HĐQT tại một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Chủ tịch HĐQT không tham gia cuộc họp ĐHĐCĐ.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 147 về hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo hướng quy định rõ các tỷ lệ biểu quyết mà Điều lệ công ty được phép quy định không trái Luật Doanh nghiệp.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 148 để quy định rõ hơn điều kiện thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đối với: Việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty và dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính riêng lẻ gần nhất của công ty.

+ Sửa đổi khoản 5 Điều 150 về việc gửi Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông theo hướng quy định rõ: Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử thì việc gửi biên bản kiểm phiếu và biên bản họp có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 152 về hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo hướng bổ sung hình thức “quyết định” của Đại hội đồng cổ đông.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 153 về Hội đồng quản trị theo hướng: Quy định rõ hơn về người có thẩm quyền thay mặt Hội đồng quản trị ký kết hợp đồng lao động với Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác của công ty; quy định rõ thẩm quyền của Hội đồng quản trị trong việc quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và trình kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty để Đại hội đồng cổ đông thông qua; quy định rõ hơn về thời hạn sau khi nghị quyết, quyết định được công bố hoặc gửi tới cổ đông thì cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định; quy định thống nhất về quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đối với việc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên; bổ sung quyền của Hội đồng quản trị về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị; quy định rõ hơn trách nhiệm của thành viên HĐQT không biểu quyết hoặc vắng mặt.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 154 về nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo hướng bổ sung quy định về số lượng thành viên độc lập HĐQT.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 155 về cơ cấu tổ chức, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo hướng quy định rõ hơn khái niệm “gián tiếp sở hữu”; bổ sung quy định về thẩm quyền bầu thành viên độc lập Hội đồng quản trị; quy định rõ thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

- Sửa đổi bổ sung Điều 157 về cuộc họp Hội đồng quản trị theo hướng bổ sung quy định cụ thể về thẩm quyền triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị, việc tổ chức cuộc họp bầu lại Chủ tịch Hội đồng quản trị trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 160 về miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị theo hướng: Quy định rõ thẩm quyền chấp thuận đơn từ chức cũng như trách nhiệm và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị trong thời gian chờ thực hiện thủ tục từ chức; bổ sung quy định về trường hợp thành viên hội đồng quản trị DNNN đến tuổi nghỉ hưu nhưng chưa hết nhiệm kỳ thành viên Hội đồng quản trị trên để cho doanh nghiệp thực hiện.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 166 về quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Tổng giám đốc theo hướng giải thích rõ khái niệm người bị hại là “người khác”.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 167 về chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan theo hướng: Quy định rõ khái niệm “người có liên quan”; quy định rõ việc Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính riêng lẻ gần nhất hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty; Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính riêng lẻ gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó....

- Sửa đổi, bổ sung Điều 175 về việc trình báo cáo hằng năm theo hướng quy định thống nhất về chủ thể trình Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát trước Đại hội đồng cổ đông.

- Sửa đổi, bổ sung Điều 176 về công khai thông tin theo hướng bổ sung công ty cổ phần đã có chứng khoán được giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán (Upcom) vào đối tượng loại trừ.

#### **IV. THỰC HIỆN CAM KẾT QUỐC TẾ VỀ PHÒNG CHỐNG, RỬA TIỀN**

1. Bổ sung thêm 01 khoản tại Điều 4 (Giải thích từ ngữ) về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp như sau: Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp có tư cách pháp nhân là các cá nhân có một trong các tiêu chí sau: (i) Cá nhân thực tế nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu từ 25% vốn điều lệ trở lên của doanh nghiệp; hoặc (ii) Cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng hơn 25% cổ tức

hoặc lợi nhuận của doanh nghiệp; hoặc (iii) Cá nhân cuối cùng có quyền chi phối hoạt động doanh nghiệp.

2. Sửa đổi điểm c khoản 23 Điều 4 để quy định rõ hơn về quyền chi phối theo hướng: Quyền chi phối doanh nghiệp là cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua sở hữu, thuê góp cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của công ty.

3. Sửa đổi Điều 8, Điều 11 và Điều 13 để quy định rõ nghĩa vụ của doanh nghiệp và người có liên quan đối với vấn đề chủ sở hữu hưởng lợi theo hướng:

+ Doanh nghiệp thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động của doanh nghiệp; thu thập, cập nhật, lưu trữ thông tin về Chủ sở hữu hưởng lợi; báo cáo và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này.

+ Doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, thông tin về Chủ sở hữu hưởng lợi và các báo cáo; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.

+ Doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh thông tin về Chủ sở hữu hưởng lợi tại thời điểm đăng ký thành lập. Trường hợp doanh nghiệp không có Chủ sở hữu hưởng lợi tại thời điểm thành lập doanh nghiệp thì doanh nghiệp phải thông báo kịp thời trong thời hạn 10 ngày kể từ thời điểm phát sinh thông tin về Chủ sở hữu hưởng lợi.

+ Doanh nghiệp phải lưu giữ thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp tại trụ sở chính hoặc địa điểm khác được quy định trong Điều lệ công ty. Thông tin về tất cả các chủ sở hữu hưởng lợi phải được lưu trữ trong suốt quá trình hoạt động và ít nhất 05 năm sau ngày doanh nghiệp giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động.

+ Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp phải thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc là chủ sở hữu hưởng lợi, có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật này.

+ Doanh nghiệp cung cấp chính xác, đầy đủ các thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và hợp tác với cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu để xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp.

4. Sửa đổi, bổ sung quy định tại các Điều 20, 21, 22, 23, 25, 31 Luật Doanh nghiệp để bổ sung thông tin về chủ sở hữu hưởng tại hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Nội dung hồ sơ, trình tự, thủ tục và biểu mẫu sẽ được quy định tại Nghị định về đăng ký doanh nghiệp (sau khi Luật Doanh nghiệp được sửa đổi, bổ sung).

5. Bổ sung một khoản tại Điều 33 Luật Doanh nghiệp (Cung cấp thông tin về nội dung đăng ký doanh nghiệp) quy định về việc khai thác thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi: Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan thực thi pháp luật có quyền đề nghị Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh và Cơ quan đăng ký kinh doanh cung cấp thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi được lưu giữ trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ công tác về phòng, chống tội phạm. Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh và Cơ quan đăng ký kinh doanh có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ và kịp thời những thông tin này.

6. Bổ sung một điểm tại khoản 1 Điều 216 (Cơ quan đăng ký kinh doanh) theo hướng: Cơ quan đăng ký kinh doanh có nhiệm vụ yêu cầu doanh nghiệp báo cáo, cung cấp thông tin khi cần thiết nhằm phục vụ việc xác minh, đối chiếu thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi. Căn cứ thông tin được cung cấp, cơ quan đăng ký kinh doanh phải lưu trữ thông tin về tất cả các chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp trong suốt quá trình hoạt động và ít nhất 05 năm kể từ ngày doanh nghiệp giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động. Khi có thay đổi về thông tin chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp, cơ quan đăng ký kinh doanh phải cập nhật và lưu trữ thời điểm bắt đầu và kết thúc vai trò của các chủ sở hữu hưởng lợi này.

7. Bổ sung quy định về trách nhiệm của Chủ sở hữu hưởng lợi: Chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp có trách nhiệm cung cấp chính xác, đầy đủ các thông tin của mình cho doanh nghiệp để thực hiện nghĩa vụ kê khai thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi theo quy định của pháp luật”.

## V. CÁ NHÂN KINH DOANH

Tạo cơ sở pháp lý để văn bản hướng dẫn quy định về đăng ký và hoạt động của cá nhân kinh doanh. Theo đó, khoản 4 Điều 217 Luật Doanh nghiệp được sửa đổi, bổ sung như sau: “4. Chính phủ quy định việc đăng ký và hoạt động của hộ kinh doanh, **cá nhân kinh doanh**”.